

CHƯƠNG

II

BÀI 6: BIỂU THỨC CHỨA HAI CHỮ, BA CHỮ

TÍNH CHẤT CỦA PHÉP CỘNG

TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG HIỆU

A. BÀI TẬP CƠ BẢN:

Bài 101: Tính giá trị của biểu thức $m + n$ nếu:

1) $m = 16$ và $n = 47$

2) $m = 20$ và $n = 19$

3) $m = 9$ và $n = 46$

4) $m = 52$ và $n = 48$

5) $m = 107$ và $n = 204$

Bài 102: Tính giá trị của biểu thức $a - b$ nếu:

1) $a = 97$ và $b = 76$

2) $a = 52$ và $b = 48$

3) $a = 18$ và $b = 9$

4) $a = 246$ và $b = 129$

5) $a = 59$ và $b = 40$

Bài 103: Viết các giá trị của biểu thức vào ô trống

1)

m	300	19726	5670	44036	59018
n	20	549	179	14248	48752
$m + n$					
$m - n$					

Có công mài sắt có ngày nên kim.

2)

c	40	63	24	50	90
d	4	7	6	5	9
$c \times d$	160				
$c : d$					

Bài 105: Chọn câu trả lời đúng.

1) $2987 + 3572 = 3572 - \dots\dots\dots$

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 1456 B. 2987 C. 2703 D. 2468

2) Cho $a = 18$ và $b = 46$. Tổng $a + b$ bằng:

A. 70 B. 68 C. 54 D. 64

3) Cho $c = 5$ và $d = 7$. Tích $c \times d$ bằng:

A. 35. B. 35. C. 70. D. 12.

4) $(102 + 147) + 238 = (102 + 238) + \dots\dots\dots$

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 102. B. 238. C. 147. D. 340.

Bài 105. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

1) $28 + 16 = 16 + \dots\dots\dots$ 2) $97 + 230 = \dots\dots\dots + 97$

3) $\dots\dots\dots + 40 = 40 + 72$ 4) $78 + 0 = \dots\dots\dots + 78$

5) $2999 + 1 = 1 + \dots\dots\dots$ 6) $p + q = q + \dots\dots\dots$

7) $496 + a = \dots\dots\dots + 496$

Bài 106. Tính giá trị của biểu thức $a + b + c$ nếu:

1) $a = 7; b = 8; c = 9$ 2) $a = 15; b = 5; c = 40$

3) $a = 20; b = 9; c = 48$ 4) $a = 12; b = 52; c = 70$

5) $a = 60; b = 72; c = 15$ 6) $a = 104; b = 172; c = 457$.

Bài 107. Tính giá trị của biểu thức $a \times b \times c$ nếu:

Có công mài sắt có ngày nên kim.

1) $a = 1; b = 7; c = 2$ 2) $a = 4; b = 3; c = 5$

3) $a = 10; b = 0; c = 9$ 4) $a = 6; b = 1; c = 7$

5) $a = 8; b = 7; c = 1$ 6) $a = 10; b = 5; c = 2$

7) $a = 50; b = 700; c = 0$

Bài 108. Cho $a = 5; b = 10; c = 2$. Tính giá trị của biểu thức:

1) $a + b + c$ 2) $(a + b) + c$

3) $a + (b + c)$ 4) $(a - c) + b$

5) $a + (b - c)$ 6) $b - (a + c)$

7) $a \times b \times c$ 8) $b \times (a + c)$

9) $a \times (b + c)$ 10) $c \times (a + b)$.

Bài 109. Chọn câu trả lời đúng.

1) $(b + 17) + 3 = b + (17 + \dots)$

Số điền vào chỗ chấm là:

A. 17.

B. 3.

C. 20.

D. 14.

2) Tính $a \times b \times c$ nếu $a = 1; b = 7; c = 9$.

A. 48.

B. 70.

C. 63.

D. 52.

3) Tính $a \times (b - c)$ nếu $a = 5; b = 15; c = 4$.

A. 55.

B. 44.

C. 70.

D. 48.

4) Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của chúng là 31 và 3

A. 17 và 14.

B. 18 và 13.

C. 16 và 15.

D. 16 và 13.

Bài 110: Điền giá trị thích hợp của biểu thức vào ô trống:

a)

a	b	c	$a + b + c$	$a \times b \times c$
1	0	2		
4	5	10		
6	1	7		
3	3	3		

b)

m	n	p	$m - n + p$	$(m - n) \times p$
5	1	7		

Có công mài sắt có ngày nên kim.

5	2	8		
10	4	3		
2	1	8		

c)

a	b	c	$a - b + c$	$a \times (b + c)$
7	4	2		
10	1	6		
8	2	5		
5	0	4		

Bài 111: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- 1) $b + c + 18 = 18 + c + \dots$
- 2) $(a + 20) + b = a + (20 + \dots)$
- 3) $20 + (m + n) = (20 + \dots) + n$
- 4) $(m + n) + p = m + (\dots + p)$
- 5) $(15 + 7) + 5 = 7 + (5 + \dots)$

Bài 112: Tính bằng cách hợp lí:

- 1) $3246 + 1825 + 3175$
- 2) $4151 + (2449 + 1450)$
- 3) $(2222 + 9876) + 2778$
- 4) $247 + 968 + 753$
- 5) $2651 + (7349 + 1989)$
- 6) $1355 + 247 + 145$
- 7) $677 + 486 + 323$
- 8) $508 + 79 + 92$
- 9) $476 + 212 + 488 + 24$
- 10) $178 + 246 + 254 + 522$
- 11) $74 + 579 + 16 + 1$
- 12) $264 + 236 + 319 + 281$
- 13) $97 + 26 + 74 + 3$

Bài 113. Độ dài các cạnh của hình tam giác là a , b , c . Tính chu vi của hình tam giác biết.

- 1) $a = 7cm; b = 4cm; c = 5cm$
- 2) $a = 10cm; b = 9cm; c = 5cm$
- 3) $a = 6dm; b = 7dm; c = 5dm$
- 4) $a = 4dm; b = 7dm; c = 6dm$
- 5) $a = 9dm; b = 5dm; c = 8dm$

Có công mài sắt có ngày nên kim.

Bài 114. Đúng ghi Đ, sai ghi S

1) $4675 + 1026 \times 3 = 1026 \times 3 + 4675$

☐

2) $2743 + 2018 \times 2 = 2743 \times 2 + 2018$

☐

3) $1213 + 1122 \times 3 = 3 \times 1122 + 1213$

☐

4) $(2142 + 2002) \times 3 = 2142 \times 3 + 2002$

☐

5) $(1876 + 2124) \times 5 = 5 \times (1876 + 2124)$

☐

Bài 115. Tìm x

1) $x + 1876 = 1876 + 570$

2) $(x + 15) + 7560 = 7560 + 30$

3) $2689 + (x - 1) = 3001 + 2689$

4) $1486 + (x + 1) = 756 + 1486$

5) $(x - 10) + 4972 = 4972 + 18$

Bài 116. Tính giá trị của biểu thức: $(m + 10) \times (n - 7) \times (p - 2004)$ nếu:

1) $m = 1; n = 10; p = 2008$

2) $m = 4; n = 9; p = 2004$

3) $m = 0; n = 7; p = 2009$

4) $m = 2; n = 8; p = 2005$

5) $m = 3; n = 11; p = 2006$

Bài 117. Tìm hai số biết tổng và hiệu của chúng lần lượt là:

1) 394 và 32

2) 168 và 14

3) 30 và 6

4) 50 và 30

5) 46 và 4

6) 162 và 10

7) 100 và 18

8) 102 và 6

9) 470 và 8

10) 51 và 33

Bài 118.

1) Trung bình cộng của hai số là 48. Số lớn hơn số bé 10 đơn vị. Hãy tìm hai số đó.

2) Trung bình cộng của hai số là 7. Số lớn hơn số bé 8 đơn vị. Hãy tìm hai số đó.

3) Trung bình cộng của hai số là 18. Số bé kém số lớn 6 đơn vị. Hãy tìm hai số đó.

4) Trung bình cộng của hai số là 40. Số bé kém số lớn 4 đơn vị. Tìm hai số đó.

Bài 119.

1) Lớp 4A có 46 học sinh. Số học sinh nam nhiều hơn học sinh nữ là 8. Hỏi có bao nhiêu học sinh nam, nữ?

Có công mài sắt có ngày nên kim.

- 2) Lớp 5A có 49 học sinh. Số học sinh nam ít hơn học sinh nữ là 3. Hỏi có bao nhiêu học sinh nam, nữ?
- 3) Một hình chữ nhật có chu vi là 50 cm, chiều rộng kém chiều dài 5 cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó.
- 4) Một hình chữ nhật có chu vi là 28 dm, chiều rộng kém chiều dài 2 dm. Tính diện tích hình chữ nhật đó.
- 5) Tuổi mẹ và tuổi con cộng lại được 59 tuổi. Tuổi con ít hơn tuổi mẹ là 23 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

B/ CÁC BÀI TOÁN NÂNG CAO

Bài 120.

- 1) Tìm hai số chẵn liên tiếp có tổng là 126.
- 2) Tổng hai số là số chẵn lớn nhất có bốn chữ số, hiệu hai số là số lớn nhất có hai chữ số chẵn. Tìm hai số đó.
- 3) Tìm hai số chẵn liên tiếp có tổng là 278.
- 4) Hai số lẻ liên tiếp có tổng bằng 252. Tìm hai
- 5) Tổng hai số chẵn bằng 204. Tìm hai số đó biết giữa chúng chỉ có 3 số lẻ.
- 6) Tổng hai số lẻ bằng 494. Tìm hai số đó biết giữa chúng chỉ có 2 số chẵn.
- 7) Tổng hai số chẵn bằng 112. Tìm hai số đó biết giữa chúng chỉ có 4 số lẻ.

Bài 121.

- 1) Chị hơn em 6 tuổi. Sau 3 năm, tuổi chị và tuổi em cộng lại được 36 tuổi. Hỏi tuổi của mỗi người hiện nay?
- 2) Anh hơn em 10 tuổi. Trước đây 5 năm, tuổi anh và tuổi em cộng lại được 40 tuổi. Hỏi tuổi của mỗi người hiện nay ?
- 3) Hai năm nữa tổng số tuổi của hai ông cháu là 75 tuổi. Hiện nay ông hơn cháu 53 tuổi. Hỏi hiện nay mỗi người bao nhiêu tuổi ?
- 4) Ba năm trước đây tổng số tuổi của hai mẹ con bằng 46 tuổi. Tính số tuổi hiện nay của mỗi người. Biết rằng mẹ hơn con 30 tuổi.
- 5) Hiện nay bà hơn cháu 62 tuổi. Hai năm nữa tổng số tuổi của hai bà cháu là 82 tuổi. Hỏi rằng hai năm trước đây mỗi người bao nhiêu tuổi ?

Bài 122:

- 1) Hiệu hai số bằng 45. Nếu thêm vào số lớn 14 đơn vị thì tổng của chúng bằng 197. Tìm hai số đó.

Có công mài sắt có ngày nên kim.

- 2) Hiệu hai số bằng 35. Nếu thêm vào số lớn 30 đơn vị thì tổng của chúng bằng 143. Tìm hai số đó.
- 3) Hiệu hai số bằng 105. Nếu bớt ở số bé đi 32 đơn vị thì tổng của chúng bằng 2157. Tìm hai số đó.
- 4) Tổng hai số bằng 2005. Nếu bớt ở số bé đi 25 đơn vị thì số lớn hơn số bé 46. Tìm hai số đó.
- 5) Tổng hai số bằng 354. Nếu thêm vào số bé đi 24 đơn vị thì số lớn hơn số bé 30. Tìm hai số đó.



Có công mài sắt có ngày nên kim.